TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2025(BĐ)/DSST Ngày: 22/8/2025 V/v: "*Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm và bà Nguyễn Thị Mùa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Bùi Quang Hoàng– chức vụ: Kiểm sát viên.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nông Thúy Hằng

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13-Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa ra xét xử số: 23/2025/QĐXX- ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01a/2025/QĐST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1

Địa chỉ: 2 N, phường H, quận C, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973, chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Ngọc H, sinh năm: 1972, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Chơn Thành

Đại diện theo ủy quyền của ông H: ông Nguyễn Trường S, sinh năm: 1985, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ – Có mặt

Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 2, phường C, tỉnh Đồng Nai).

Bị đơn: Ông Lê Văn X, sinh năm 1999 - Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2024 cùng các bản khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S1 ông Nguyễn Trường S trình bày: Ngày 10/01/2024, Ông Lê Văn X có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của Ông Lê Văn X, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng (số thẻ 970403-9412) với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với với mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ không có thời hạn.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lê Văn X đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 31.094.808 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông Lê Văn X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.115.282 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông X vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.Do Ông Lê Văn X vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5.7 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 15/07/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Căn cứ theo mục 1.35 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S1.

Mục 1.35 "Dư nợ": là số tiền mà Chủ Thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các Giao Dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng Thẻ.

Tính đến ngày 22/08/2025, Ông Lê Văn X còn nợ các khoản sau:

+ Dư nợ : 21.052.883 đồng

+ Lãi quá hạn: 7.926.643 đồng

+ Tổng cộng: 28.979.526 đồng

(Bằng chữ: *Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng).*

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền dư nợ là: 21.052.883 đồng, từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại Cụ thể như sau:

Lãi suất quá hạn là 2,799%/ tháng (1,866 * 150%)*số tiền dư nợ 21.052.883 đồng

Số tiền lãi quá hạn (Từ ngày 15/07/2024 đến ngày 22/08/2025) là 7.926.643 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Lê Văn X có nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên ông Lê Văn X vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng khởi hiện yêu cầu ông Lê Văn X trả toàn bộ vốn gốc 21.052.883*(hai mươi mốt triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng, tám trăm tám mươi ba)* đồng và lãi quá hạn 7.926.643 *(bảy triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi ba)* đồng (tạm tính đến ngày 22/8/2025) đồng và yêu cầu ông Xi tiếp tục lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Văn X vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Xi vẫn vắng mặt không lý do.

Tòa án đã triệu tập các đương sự tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cũng như phiên hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Xi trả tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/8/2025 là *28.979.526 (Hai mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi sáu)* đồng và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Lê Văn X vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bị đơn ông Lê Văn X.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 – chi nhánh Chơn Thành thuộc trường hợp "Tranh

chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn có địa chỉ cư trú tại Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai

nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 13-Đồng Nai được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Theo kết quả xác minh ngày 13/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện B (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13-Đồng Nai) thể hiện ông Lê Văn X đã rời khỏi nơi cư trú từ khoảng 02 năm nay đến nay không trở về. Ngày 19/02/2025, Tòa án đã tiến hành làm việc giải thích hướng dẫn nguyên đơn làm thủ tục theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ngày 13/3/2025, Ngân hàng TMCP S1 đã có công văn trả lời số 266/CV-CN Chơn Thành không đồng ý làm thủ tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn Lê Văn X với lý do: Ông X khi thay đổi nơi cư trú đã không báo cho Ngân hàng biết. Do vậy, Tòa án tiến hành niêm yết thủ tục tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của ông X tại ấp Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai

Đồng thời ngày 15/8/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa chỉ hiện tại của bị đơn ghi trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 10/01/2024 tại Công an phường Minh Hưng cho thấy hiện nay ông X không tạm trú tại phường Minh H, huyện C, tỉnh Bình Phước (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai). Tại phiên tòa, ông X vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông X theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- [3.1] Xét giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín cá nhân giữa Ngân hàng và ông Lê Văn X với số tiền vay là 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức mở tài khoản thẻ tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông X đã thanh toán được số tiền nợ 2.115.282 đồng. Ngày 15/07/2024 do ông Xi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, vì vậy Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Dư nợ ngày 15/07/2024 là: 22.352.883 đồng). Tuy nhiên đến ngày 25/07/2024 ông X có trả cho Ngân hàng số tiền 1.300.000 đồng, số tiền này được Ngân hàng trừ vào dư nợ ngày 15/07/2024 là: 22.352.883 đồng

- Cụ thể Dư nợ đến ngày 25/07/2024 là: 22.352.883 – 1.300.000 = 21.052.883 đồng. Ngân hàng đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng ông Xi chưa thanh toán khoản nợ

còn lại, vì vậy việc Ngân hàng khởi kiện ông X là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tính đến ngày 22/8/2025, số nợ của ông X được tính toán cụ thể như sau:

- Nợ gốc chưa trả: 21.052.883 đồng
- Số tiền lãi quá hạn được tính như sau:

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền dư nợ ngày 15/07/2024 là: 22.352.883 đồng

Và Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền dư nợ ngày 25/07/2024 là: 21.052.883 đồng

Từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại Cụ thể như sau:

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền Dư nợ

Lãi suất quá hạn tháng là 2,799% = 1,866 * 150%

Lãi suất quá hạn ngày là 2,799%*12tháng/(360 ngày) = 0.0933%

- Dư nợ ngày 15/07/2024 là: 22.352.883 đồng (số liệu bảng tính lãi)
- Từ ngày 15/07/2024 đến ngày 25/07/2024 là 9 ngày
- Lãi quá hạn 01 ngày: 22.352.883 * 0.0933% = 20.855 đồng
- Lãi quá hạn của 9 ngày là: 9 * 20.855 = 187.695 đồng
- Dư nợ ngày 25/07/2024 là: 21.052.883 đồng (số liệu bảng tính lãi)
- Từ ngày 25/07/2024 đến ngày 22/08/2025 là 394 ngày
- Lãi quá hạn 01 ngày: 21.052.883 * 0.0933% = 19.642 đồng
- Lãi quá hạn của 394 ngày là: 394 * 19.642 = 7.738.948 đồng

Như vậy tổng lãi quá hạn (từ ngày 15/07/2024 và ngày 25/07/2024) đến ngày 22/08/2025 là: 187.695 + 7.738.948 = 7.926.643 đồng

Kể từ ngày 23/8/2025 Lê Văn X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán Xi.

Xét đề nghị của đại diện VKSND khu vực 13 là phù hợp với quy định của pháp luật, với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3.2] Về án phí: Do yêu cầu Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 28.979.526 đồng x 5% = 1.449.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 463, Điều 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh Chơn Thành.

Buộc ông Lê Văn X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh Chơn Thành số tiền là 28.979.526 (*Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng)*

đồng (trong đó: Nợ gốc 21.052.883 đồng, và lãi quá hạn 7.926.643 đồng (tạm tính đến ngày 22/8/2025).

Kể từ ngày 23/8/2025, ông Lê Văn X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân đã ký ngày 10/01/2024 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Về án phí:

- Bị đơn ông Lê Văn X phải chịu 1.449.*000 (một triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S1 chi nhánh C số tiền tạm ứng án phí là 567.000 (*năm trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0007215 ngày 16/12/2024.

[2] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 13-Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 13-Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thị Chức